

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 83/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10 – 6 – 2024

V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Việt Khái.

Bà Trần Thị Hoài Yên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2024/TLST–HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 về: “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Tạ Thị N, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Ông Phạm Văn H, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 18/3/2024 nguyên đơn bà Tạ Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn H chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và không

hoà hợp trong lối sống, vợ chồng không còn tình cảm nên đã ly thân từ tháng 5/2023 đến nay. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn H.

Về nuôi con chung: Có 02 người con chung tên Phạm Văn B (giới tính nam), sinh ngày 23/01/2003 và Phạm Phong Đ (giới tính nam), sinh ngày 30/9/2012. Đối với Phạm Văn B đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Con Phạm Phong Đ hiện đang sống với ông H. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục giao Phạm Phong Đ cho ông H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện đi làm ăn xa nên yêu cầu giải quyết vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà Tạ Thị N.

Đại diện chính quyền địa phương UBND xã T nơi hai bên đương sự sinh sống xác định: Bà Tạ Thị N và ông Phạm Văn H không có yêu cầu hòa giải nên chính quyền địa phương không xác định được tình trạng mâu thuẫn.

Tại phiên tòa:

- Bà Tạ Thị N và ông Phạm Văn H vắng mặt không có ý kiến trình bày khác.
- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Về thủ tục tố tụng trong gian đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tạ Thị N đối với ông Phạm Văn H. Về nuôi con chung giao người con tên Phạm Phong Đ (giới tính nam), sinh ngày 30/9/2012 cho ông Phạm Văn H tiếp tục nuôi dưỡng, bà Tạ Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với Phạm Văn B đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Tạ Thị N khởi kiện xin ly hôn với ông Phạm Văn H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Phạm Văn H cư trú tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Tạ Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N và ông H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Tạ Thị N và ông Phạm Văn H tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 80/2017 ngày 19/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân giữa bà N và ông H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Bà N nhận thấy cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và không hoà hợp trong lối sống. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu được ly hôn. Đối với, ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà N. Từ đó cho thấy ông H không mong muốn hàn gắn tình cảm với bà N. Xét thấy, mâu thuẫn của bà N và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, bà N được ly hôn với ông H.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Phạm Văn B (giới tính nam), sinh ngày 23/01/2003 và Phạm Phong Đ (giới tính nam), sinh ngày 30/9/2012. Sau khi ly hôn bà N yêu cầu giao con Phạm Phong Đ cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng. Ông H không có ý kiến đối với việc giao con của bà N.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại bản tự khai ngày 18/3/2024 của con chung Phạm Phong Đ có nguyện vọng sống với ông H nên Hội đồng xét xử tôn trọng ý kiến của con chung căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quyết định để ông H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Phong Đ là phù hợp. Ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Đối với Phạm Văn B đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết. Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà N phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tạ Thị N đối với ông Phạm Văn H. Bà Tạ Thị N được ly hôn với ông Phạm Văn H.

Về nuôi con chung: Giao người con tên Phạm Phong Đ (giới tính nam), sinh ngày 30/9/2012 cho ông Phạm Văn H tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Tạ Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với Phạm Văn B, sinh ngày 30/9/2012 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

Bà Tạ Thị N không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của ông Phạm Văn H.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tạ Thị N và ông Phạm Văn H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Tạ Thị N phải chịu 300.000 đồng. Bà Tạ Thị N đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003303 ngày 19 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân;
- (Giấy CNKH số 80 ngày 19/7/2017)
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Như